

Số: 24/2020/QĐST- DS

Thái Nguyên, ngày 30 tháng 7 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 472, 473, 481, 357, 468 của Bộ luật dân sự;

Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội 14 quy định về mức thu án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 22 tháng 7 năm 2020 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 82/DSST ngày 08/7/2020 về việc “Tranh chấp hợp đồng thuê tài sản”

XÉT THẤY

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

* **Nguyên đơn:** Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1964.

HKTT: Tổ 6, thị trấn SC, huyện DH, tỉnh Thái Nguyên

* **Bị đơn:** Anh Vũ Trọng Th, sinh năm 1975.

HKTT: Số nhà 75, tổ 6, phường CH, thành phố TN, tỉnh Thái Nguyên

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về nghĩa vụ thanh toán: Hai bên thống nhất anh Vũ Trọng Th có trách nhiệm thanh toán cho ông Nguyễn Văn T tổng số tiền thuê tài sản (*máy xúc, máy ủi, ô tô vận chuyển đất*) tính đến 22/7/2020 là 800.000.000 đồng (*Tám trăm triệu đồng*), không bao gồm lãi suất.

2.2. Phương thức thanh toán và thời hạn thanh toán: Thanh toán theo kỳ.
Cụ thể:

+ Lần thứ nhất: Chậm nhất là ngày 30/11/2020, anh Vũ Trọng Th sẽ trả cho ông Nguyễn Văn T 300.000.000đ (*Ba trăm triệu đồng*), không bao gồm lãi suất.

+ Lần thứ hai: Chậm nhất vào ngày 28/02/2021 anh Vũ Trọng Th sẽ trả hết cho ông Nguyễn Văn T số tiền còn lại là 500.000.000đ (*Năm trăm triệu đồng*), không bao gồm lãi suất.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án chậm thi hành án thì phải chịu lãi đối với số tiền chậm thi hành án theo quy định tại Điều 357; Khoản 2 Điều 468 BLDS năm 2015, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác.

2.3. Án phí: Anh Vũ Trọng Th nhận nộp 18.000.000 đồng (Mười tám triệu đồng) án phí dân sự sơ thẩm sung quỹ nhà nước. Hoàn lại cho ông Nguyễn Văn T 22.596.000đ (*Hai mươi hai triệu năm trăm chín mươi sáu nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0003234 ngày 08/7/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Thái Nguyên.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trong trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thái Nguyên
- VKSND TP. Thái Nguyên;
- Chi cục THADS TP. Thái Nguyên;
- Các đương sự;
- Lưu: HS.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Tứ Xuân

